

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Thị Hạnh;
- Ông Đoàn Văn Lược.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường T, Tổ R, Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ R, Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2023, văn bản tự khai ngày 23/8/2023, qua hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng C và bị đơn là ông Nguyễn Hữu S tự nguyện sống chung năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh

Sông Bé (Nay là thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương), ngày 15/01/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng xây dựng nhà riêng sống chung tại Ấp Y, xã T, huyện T, tỉnh Sông Bé (Nay là Tổ R, Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương) và có 02 con chung tên: Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 21/12/1996 (đã trên 18 tuổi) và Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007, hiện nay cháu T1 đang do ông S và gia đình ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ tháng 6/2010 đến nay, giữa vợ chồng ông S, bà C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột vợ chồng. Nguyên nhân: Ông S không hỗ trợ bà C trong việc buôn bán tạo thu nhập để phát triển kinh tế gia đình, tụ tập bạn bè uống rượu thường xuyên hoặc đi chơi bên ngoài, bỏ mặc vợ con tự tìm việc làm tạo thu nhập và trang trải cuộc sống. Vì muốn gia đình hạnh phúc, các con được học tập, giáo dục nên người nên bà C nhẫn nhịn, nhiều lần khuyên ông S giảm bớt các thói quen không tốt (uống rượu, đi chơi) để phụ giúp vợ con nhưng ông S không hợp tác dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thống nhất được quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà C đã nhiều lần khởi kiện tại Tòa án xin được ly hôn ông S nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để nhằm tạo điều kiện cho ông S thay đổi tính tình trở về hòa hợp, chung sống hạnh phúc bên gia đình, vợ con nhưng đều không có kết quả. Tháng 4/2023, bà C xây dựng nhà riêng sống ly thân ông S từ đó đến nay. Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Nguyễn Hữu S, khi ly hôn bà C đồng ý giao con chung Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bà C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng khi ông S có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đơn khởi kiện xin ly hôn của bà C được Tòa án chuyển đến Hòa giải viên để tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng C. Qua hai lần hòa giải ông S không hợp tác, không đến Tòa án để hòa giải nên bà C yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn theo thủ tục tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án (Ngày 03/7/2023), Thư ký Tòa án đã trực tiếp đến nơi ở của ông S để tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, thông báo tham gia phiên tòa sơ thẩm, ông S có mặt tại nơi ở nhưng không hợp tác, không ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã thông báo thời gian địa điểm để ông S có mặt tại Tòa án tham gia tố tụng nhưng ông S từ chối việc đến Tòa án làm việc trước sự chứng kiến, xác nhận của Công an thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Đối với cháu Nguyễn Tuấn T1 là con trên 07 tuổi của bà C và ông S: Tòa án đã đến nơi ở của ông S để xác minh, làm việc với cháu T1 về nguyện vọng

của cháu về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu T1 không cung cấp thông tin, từ chối trả lời nguyện vọng của mình. Sự việc được lập biên bản có sự chứng kiến có mặt của ông Nguyễn Hữu N là ông nội của cháu T1 và Trưởng Khu phố E, thị trấn T, huyện B.

Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hữu S vắng mặt, không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C, không phản tố yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn ông S, giáo con chung Nguyễn Tuấn T1 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa cho rằng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký trực tiếp tiến hành tố tụng đối với vụ án đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nhiệm vụ của người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Hữu S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: “Bà Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với ông Nguyễn Hữu S”. Ông Nguyễn Hữu S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007. Bà C không phải cấp cấp dưỡng nuôi con do ông S không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Hữu S có nơi cư trú tại Tổ R, Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng C do Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Nguyễn Hữu S đã được cán bộ Tòa án trực tiếp đến nơi ở tổng đạt các văn bản tố tụng, Thông báo tham gia tố tụng tại Tòa án, ông S có mặt tại nơi ở trực tiếp gặp cán bộ tổng đạt nhưng không hợp tác, từ chối nhận văn bản tố tụng trước sự có mặt và chứng kiến của Cảnh sát khu vực, Công an thị trấn T, huyện B nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo thời gian để bị đơn Nguyễn Hữu S biết đến Tòa án tham gia tố tụng, tham gia việc tiếp cận, công khai chứng cứ, phản đối hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của đương sự khác là hợp lệ đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị Hồng C chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền vào năm 1996 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp theo pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Bà C khởi kiện đơn phương yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hữu S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của bà C, lời trình bày của bà C và kết quả xác minh của Tòa án tại nơi vợ chồng bà C thường xuyên sinh sống thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà C, ông S đã phát sinh từ năm 2010 và kéo dài trong nhiều năm không thể hàn gắn, giải tỏa mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhau. Bà C yêu cầu được ly hôn ông S vì mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Bà C, ông S có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1996 và cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007. Khi ly hôn, cháu T đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét việc người trực tiếp nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007, tại thời điểm xét xử cháu T1 mới hơn 16 tuổi cần có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi cha mẹ ly hôn. Mặc dù cháu T1 không trình bày nguyện vọng về người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục mình khi cha mẹ ly hôn nhưng trên thực tế cháu đang trực tiếp sống chung với cha Nguyễn Hữu S và gia đình bên nội được chăm sóc, giáo dục tốt. Do đó để không xảy sự xáo trộn về tâm lý, nơi ở, tinh thần cho con chưa thành niên nên tiếp tục giao cháu T1 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ông Sơn có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử chấp nhận cho bà C được ly hôn ông S, ông S được trực tiếp nuôi con chung chưa đủ 18 tuổi khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật được Tòa án chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng C đối với ông Nguyễn Hữu S về việc xin ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng C được ly hôn với ông Nguyễn Hữu S.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn T1, sinh ngày 29/8/2007.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ hết vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0010389 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS H. Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

